

Số: 436/QĐ-CQLMHTXVN

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước
thực hiện Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới năm 2025
của Liên minh HTX Việt Nam

CHỦ TỊCH LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1328/QĐ-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều lệ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Xét đề nghị của Trưởng ban Kế hoạch - Hỗ trợ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam (theo các biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng ban Kế hoạch - Hỗ trợ, Chánh Văn phòng Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Các đồng chí Phó Chủ tịch;
- KBNN nơi giao dịch;
- Lưu: VT, KHHT.

CHỦ TỊCH



Cao Xuân Thu Vân

ĐỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC BỔ SUNG NĂM 2025 VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC THỰC HIỆN CTMTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI CỦA LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM
(Kèm theo Quyết định số 436/QĐ-CQLMHTXVN ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Liên minh HTX Việt Nam)

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó											
			Văn phòng Liên minh HTX Việt Nam	Viện KHCN & MT	Trung tâm các CTKTXH	Trung tâm Xúc tiến Thương mại Liên minh HTX Việt Nam	Viện phát triển kinh tế hợp tác	Tạp chí kinh doanh	Trường Bồi dưỡng cán bộ	Trường Trung cấp nghề và Đào tạo cán bộ HTX miền Nam	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật TW	Trường Trung cấp KT-KT và Đào tạo cán bộ HTX miền Trung, Tây Nguyên	Trường Cao đẳng nghề KT-KT Bắc bộ	Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Mỹ nghệ VN
I. DỰ TOÁN CHI NSNN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	17.365.000.000	17.365.000.000	2.500.000.000	2.080.000.000	2.618.000.000	2.080.000.000	2.413.000.000	1.000.000.000	2.000.000.000	660.000.000	160.000.000	700.000.000	994.000.000	160.000.000
1. GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO - ĐẠY NGHỀ	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	993.000.000	-	333.000.000	-	500.000.000	160.000.000	160.000.000	200.000.000	494.000.000	160.000.000
Loại 070 - 098 (Mã CTMTQG: 10490 - 10493)	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	160.000.000	-	-	-	-	160.000.000	160.000.000	200.000.000	160.000.000	160.000.000
1.1. Kinh phí chi không thường xuyên:	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững (Mã 10490 - 10493)	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	160.000.000	-	-	-	-	160.000.000	160.000.000	200.000.000	160.000.000	160.000.000
- Nội dung 09: Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với nhu cầu của thị trường; hỗ trợ thúc đẩy và phát triển các mô hình khởi nghiệp, sáng tạo ở nông thôn;	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	160.000.000	-	-	-	-	160.000.000	160.000.000	200.000.000	160.000.000	160.000.000
Tiêu dự àn "Đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn"	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	160.000.000	-	-	-	-	160.000.000	160.000.000	200.000.000	160.000.000	160.000.000
Loại 070 - 098 (Mã CTMTQG: 10490 - 10502)	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	833.000.000	-	333.000.000	-	500.000.000	-	-	-	334.000.000	-
1.2. Kinh phí chi không thường xuyên:	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Nội dung thành phần số 11. Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM (Mã 10490 - 10502)	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	833.000.000	-	333.000.000	-	500.000.000	-	-	-	334.000.000	-
- Nội dung 02: Tiếp tục tăng cường nâng cao năng lực, chuyển đổi nhận thức, tư duy cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM các cấp, đặc biệt cán bộ cơ sở	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	333.000.000	-	333.000.000	-	-	-	-	-	334.000.000	-
Tổ chức triển khai hội nghị tập huấn nâng cao năng lực, chuyển đổi nhận thức, tư duy cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM các cấp, đặc biệt cán bộ cơ sở	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	333.000.000	-	333.000.000	-	-	-	-	-	334.000.000	-
Nội dung 03: Đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng về phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng NTM	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	500.000.000	-	-	-	500.000.000	-	-	-	-	-
Tổ chức triển khai đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng về phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng NTM	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	500.000.000	-	-	-	500.000.000	-	-	-	-	-
2. CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ 280	7.365.000.000	7.365.000.000	-	1.205.000.000	750.000.000	1.205.000.000	1.205.000.000	-	1.500.000.000	500.000.000	-	500.000.000	500.000.000	-
Loại 280 - 338 Mã CTMTQG: 10490 - 10493	7.365.000.000	7.365.000.000	-	1.205.000.000	750.000.000	1.205.000.000	1.205.000.000	-	1.500.000.000	500.000.000	-	500.000.000	500.000.000	-

Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó											
			Văn phòng Liên minh HTX Việt Nam	Viện KHCN & MT	Trung tâm các CTKTXH	Trung tâm Xúc tiến Thương mại Liên minh HTX Việt Nam	Viện phát triển kinh tế hợp tác	Tạp chí kinh doanh	Trường Bồi dưỡng cán bộ	Trường Trung cấp nghề và Đào tạo cán bộ HTX miền Nam	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật TW	Trường Trung cấp KT-KT và Đào tạo cán bộ HTX miền Trung, Tây Nguyên	Trường Cao đẳng nghề KT-KT Bắc bộ	Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Mỹ nghệ VN
2.1. Kinh phí chi không thường xuyên, gồm:	-	-												
Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển lĩnh vực nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững (Mã 10490 - 10493)	7.365.000.000	7.365.000.000	-	1.205.000.000	750.000.000	1.205.000.000	1.205.000.000	-	1.500.000.000	500.000.000	-	500.000.000	500.000.000	-
- Nội dung 04. Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với lợi thế vùng miền, thành lập Trung tâm OCOP Quốc gia; phát triển tiêu thụ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn, bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn; đẩy mạnh sản xuất, chế biến muối theo chuỗi giá trị.	1.365.000.000	1.365.000.000		455.000.000		455.000.000	455.000.000							
- Nội dung 05. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất trong đó, ưu tiên hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao liên kết theo chuỗi giá trị; thu hút khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy thực hiện bảo hiểm trong nông nghiệp	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	-	-	-	-	1.500.000.000	500.000.000	-	500.000.000	500.000.000	-
Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, thành viên HTX nhằm nâng cao năng lực quản lý, quản trị cho cán bộ HTX; hỗ trợ HTX phát triển sản xuất; kết nối HTX với doanh nghiệp hình thành và vận hành liên kết sản xuất, liên kết tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị	3.000.000.000	3.000.000.000							1.500.000.000	500.000.000		500.000.000	500.000.000	
- Nội dung 6: Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hệ thống kết nối, xúc tiến tiêu thụ nông sản; đa dạng hóa hệ thống kênh phân phối, tiêu thụ đảm bảo bền vững trước các biến động của thiên tai, dịch bệnh, trong đó ưu tiên phát triển thương mại điện tử; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thương mại nông thôn gắn với việc đáp ứng các tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn và đáp ứng nhu cầu thị trường	3.000.000.000	3.000.000.000		750.000.000	750.000.000	750.000.000	750.000.000							
3. SỰ NGHIỆP VĂN HÓA THÔNG TIN	7.000.000.000	7.000.000.000	2.500.000.000	875.000.000	875.000.000	875.000.000	875.000.000	1.000.000.000	-	-	-	-	-	-
3.1. Loại 160 - 171 (Mã CTMTQG: 10490 - 10498)	3.500.000.000	3.500.000.000	-	875.000.000	875.000.000	875.000.000	875.000.000	-	-	-	-	-	-	-
3.1.1. Kinh phí chi không thường xuyên, gồm:	-	-												
Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong nông thôn mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng nông thôn mới thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới, mã 10490 - 10498	3.500.000.000	3.500.000.000	-	875.000.000	875.000.000	875.000.000	875.000.000	-						
- Nội dung 3: Triển khai hiệu quả chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025	3.500.000.000	3.500.000.000		875.000.000	875.000.000	875.000.000	875.000.000							
3.2. Loại 160 - 171 (Mã CTMTQG: 0490 - 0502)	3.500.000.000	3.500.000.000	2.500.000.000	-	-	-	-	1.000.000.000	-	-	-	-	-	-
3.2.1. Kinh phí chi không thường xuyên, gồm:	-	-												
Nội dung thành phần số 11. Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM (Mã 10490 - 10502)	3.500.000.000	3.500.000.000	2.500.000.000	-	-	-	-	1.000.000.000						

Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó											
			Văn phòng Liên minh HTX Việt Nam	Viện KHCN & MT	Trung tâm các CTKTXH	Trung tâm Xúc tiến Thương mại Liên minh HTX Việt Nam	Viện phát triển kinh tế hợp tác	Tạp chí kinh doanh	Trường Bồi dưỡng cán bộ	Trường Trung cấp nghề và Đào tạo cán bộ HTX miền Nam	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật TW	Trường Trung cấp KT-KT và Đào tạo cán bộ HTX miền Trung, Tây Nguyên	Trường Cao đẳng nghề KT-KT Bắc bộ	Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Mỹ nghệ VN
- Nội dung 01. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình, đặc biệt xây dựng hệ thống giám sát thông qua bản đồ số và cơ sở dữ liệu; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000											
Tổ chức kiểm tra giám sát các nội dung thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới của Liên minh HTX Việt Nam trên địa bàn toàn quốc.	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000											
Nội dung 04. Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ, người dân về xây dựng NTM; thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM	2.000.000.000	2.000.000.000	1.000.000.000	-	-	-	-	1.000.000.000						
Tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; tuyên truyền về liên kết sản xuất, liên kết tiêu thụ theo chuỗi giá trị sản phẩm; tuyên truyền về mô hình HTX hình thành từ các tổ hợp tác; tuyên truyền kết quả thực hiện phong trào thi đua chung sức xây dựng nông thôn mới; tuyên truyền về mô hình sản xuất tiêu biểu trong xây dựng nông thôn mới	2.000.000.000	2.000.000.000	1.000.000.000					1.000.000.000						
Mã số đơn vị sử dụng NSNN	-		1056903	1056902	1069750	1127995	1113132	1084127	1101119	1113580	1056887	1108300	1082784	1066974
Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch	-		0023	0012	0023	0023	0023	00023	0023	0514	0024	1961	0061	0024
Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch			Phòng DG số 9- KBNN khu vực I	Phòng DG số 1- KBNN khu vực I	Phòng DG số 9- KBNN khu vực I	Phòng DG số 9- KBNN khu vực I	Phòng DG số 9- KBNN khu vực I	Phòng DG số 9- KBNN khu vực I	Phòng DG số 9- KBNN khu vực I	Phòng DG số 1- KBNN khu vực XVII	Phòng DG số 7- KBNN khu vực I	KBNN khu vực XII	KBNN khu vực III	Phòng DG số 7- KBNN khu vực I